

# HIỆU QUẢ KINH TẾ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT HỒ TIÊU TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CAM NGHĨA, HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Trần Huỳnh Quang Minh<sup>1</sup>, Trần Huỳnh Bảo Châu<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 20/04/2021

Ngày nhận bản sửa: 07/05/2021

Ngày duyệt đăng: 25/06/2021

**Tóm tắt.** Với điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi, tỉnh Quảng Trị có nhiều lợi thế để phát triển cây hồ tiêu. Tuy nhiên, sản xuất hồ tiêu luôn gặp phải nhiều khó khăn như năng suất không ổn định, tình hình thời tiết và sâu bệnh phức tạp, gây ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Phương pháp phân tích lợi ích – chi phí được sử dụng để đánh giá hiệu quả kinh tế hoạt động sản xuất hồ tiêu thông qua điều tra 46 hộ dân trên địa bàn xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ. Các hộ điều tra được chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích. Kết quả cho thấy: năng suất hồ tiêu biến động theo độ tuổi vườn cây. Từ năm 7 đến năm 17, cây hồ tiêu cho năng suất cao nhất và năng suất bắt đầu giảm dần từ năm 18. Với kết quả phân tích hoạt động sản xuất hồ tiêu trong các trường hợp suất chiết khấu  $r = 15\%/$  năm,  $r = 10\%/$  năm và  $r = 8,4\%/$  năm, các chỉ tiêu đều đạt được kết quả cao. Giá trị hiện tại ròng (NPV) là 14,13 triệu đồng/sào, chỉ số BCR là 1,33 lần, hệ số hoàn vốn nội bộ (IRR) là 20,13% khi  $r = 10\%/$  năm. Điều này cho thấy, người dân đã quyết định đúng đắn khi đầu tư vào cây hồ tiêu, mang lại hiệu quả kinh tế cao từ cây trồng này.

**Từ khóa:** Hiệu quả kinh tế; Hồ tiêu; tỉnh Quảng Trị.

## 1. Đặt vấn đề

Hồ tiêu được khai sinh từ thế kỷ XVII như là một loại cây công nghiệp lâu năm của nông nghiệp Việt Nam. Theo kết quả thống kê của Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (Vietnam Pepper Association – VPA), diện tích canh tác hồ tiêu đã liên tục tăng lên và đạt gần 9.200 ha vào những năm 1970 và tăng lên đến 60.000 ha vào năm 2013. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của diện tích và sản lượng, từ năm 1998 xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam cũng tăng nhanh với tốc độ 15-20% bình quân mỗi năm. Việt Nam liên tục là nước đứng đầu về sản xuất và xuất khẩu hồ tiêu. Hồ tiêu Việt Nam đã được xuất khẩu tới gần 80 quốc gia và vùng lãnh thổ (Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam, 2017).

<sup>1</sup> Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, email: thqminh@hce.edu.vn

Hồ tiêu Việt Nam có thể phát triển là do hội tụ tất cả các điều kiện thuận lợi về tự nhiên, về con người, về ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất và chế biến. Thiên nhiên ưu đãi với đất bazan màu mỡ, khí hậu cận nhiệt đới, độ ẩm cao, lượng mưa nhiều. Chính phủ Việt Nam và các nhà khoa học sẵn sàng hỗ trợ trong đầu tư canh tác và ứng dụng khoa học kỹ thuật. Các nhà chế biến và xuất khẩu luôn chủ động mở rộng thị trường, đầu tư nhà máy chế biến hiện đại, đa dạng hoá sản phẩm.

Quảng Trị là một tỉnh ở phía Nam của Bắc Trung Bộ có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm, trong đó có cây hồ tiêu. Với diện tích 2.505 ha hồ tiêu tập trung chủ yếu ở huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ và Hướng Hóa (Công thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, 2019). Xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ là xã miền núi có tiềm năng đất đai gò đồi khá lớn, thuận lợi trong việc sản xuất hồ tiêu. Theo báo cáo tổng kết cuối năm về tình hình kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Cam Nghĩa, diện tích và sản lượng hồ tiêu của xã không ngừng tăng lên. Cụ thể: diện tích hồ tiêu năm 2018 tăng 4,1% so với năm 2017. Sản lượng hồ tiêu thu hoạch tăng do diện tích sản xuất và năng suất tăng. Diện tích trồng tiêu năm 2019 là 155 ha, trong đó diện tích kinh doanh là 110 ha, sản lượng đạt 80 tấn/năm. Hoạt động sản xuất hồ tiêu ở xã chủ yếu theo quy mô hộ gia đình, gặp nhiều hạn chế về nguồn lực và áp dụng đúng quy trình kỹ thuật trong sản xuất. Ngoài những khó khăn đó, những trở ngại về chi phí sản xuất, sâu bệnh, thời tiết diễn biến phức tạp, và vấn đề cốt lõi là mặc dù năng suất và sản lượng hồ tiêu không ngừng tăng nhưng giá hồ tiêu lại liên tục giảm mạnh trong những năm gần đây đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế sản xuất hồ tiêu. Vì vậy, việc đánh giá hiệu quả kinh tế hoạt động sản xuất hồ tiêu của các hộ nông dân trên địa bàn xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ làm căn cứ giúp chính quyền địa phương đưa ra những giải pháp phù hợp, phát triển hồ tiêu địa phương.

## **2. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu**

Hiện nay đã có nhiều nghiên cứu về hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nói chung và hồ tiêu nói riêng. Theo Nguyễn Đức Cường (2013), hồ tiêu được sản xuất chủ yếu ở quy mô hộ gia đình và trang trại, trong đó, hình thức hộ gia đình vẫn chiếm tỷ trọng lớn trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Đắk Lắk. Cây hồ tiêu là một trong những cây trồng đem lại nguồn thu nhập chính cho người dân địa phương (bình quân 433 triệu đồng/hộ). Tuy nhiên, thực trạng các hộ gia đình sản xuất còn mang tính tự phát, không tuân thủ đúng quy trình sản xuất. Vì vậy, cần áp dụng những giải pháp phù hợp, đảm bảo phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân đồng thời bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Ở tỉnh Quảng Trị, Phạm Thị Thanh Xuân (2015) đã khái quát về những vấn đề lý luận và thực tiễn về hiệu quả kinh tế, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế và

rủi ro trong hoạt động sản xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Linh và Cam Lộ.

Bên cạnh những tiềm năng để phát triển cây hồ tiêu, Quảng Trị thường xuyên bị ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa khiến cây tiêu dễ dịch bệnh. Diện tích hồ tiêu nhiễm bệnh lên đến 1.000 ha, với gần 200 ha và có tỷ lệ hồ tiêu chết trên 70%. Giống tiêu Quảng Trị phần lớn đã bị thoái hóa do chưa có vườn ươm giống chuẩn. (Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, 2019). Ngoài ra, giá hồ tiêu lên xuống bấp bênh, giá bình quân giai đoạn 2008 - 2017 đạt từ 80.000 - 200.000 đồng/kg thì đến năm 2019, giá giảm còn khoảng 50.000 đồng/kg (Hội nông dân Việt Nam, 2020).

Trước thực trạng đó, tỉnh Quảng Trị có chủ trương vận động người dân mạnh dạn phá bỏ những vườn tiêu lâu năm già cỗi, thực hiện các chính sách hỗ trợ để xây dựng và nhân rộng mô hình trồng và chăm sóc hồ tiêu theo hướng phát triển bền vững như mô hình canh tác nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu (Climate Smart Agriculture - CSA), xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm trong mô hình thâm canh cây hồ tiêu, thuộc dự án WB7 Quảng Trị (UBND tỉnh Quảng Trị, 2019). Nghiên cứu này tập trung nhận dạng và xác định các khoản doanh thu và chi phí trong hoạt động sản xuất hồ tiêu từ đó sử dụng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế dài hạn, cung cấp những đánh giá tổng quan, làm cơ sở khoa học giúp chính quyền địa phương và hộ sản xuất tham khảo nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho hoạt động sản xuất cây hồ tiêu trong thời gian tới.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Phương pháp điều tra, thu thập và xử lý số liệu**

- Số liệu thứ cấp: được thu thập từ các báo cáo của Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ hồ tiêu Cù, Ủy ban nhân dân xã Cam Nghĩa.

- Số liệu sơ cấp: Được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi cấu trúc đối với 50 hộ dân ở 3 thôn có diện tích trồng hồ tiêu có tỷ trọng lớn ở xã là Phương An, Quật Xá và Thượng Nghĩa. Hồ tiêu là cây lâu năm, chu kỳ sản xuất là 25 năm, trong quá trình điều tra sẽ có các vườn tiêu có độ tuổi khác nhau. Để đảm bảo tính đại diện, các hộ điều tra được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích. Nghiên cứu tiến hành điều tra ít nhất 1 hộ đại diện cho mỗi độ tuổi hồ tiêu. Qua quá trình sàng lọc, có 4 hộ không đảm bảo nên số lượng mẫu còn lại là 46 hộ.

#### **3.2. Phương pháp phân tích lợi ích - chi phí (CBA)**

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất hồ tiêu trên địa bàn xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị thông qua các chỉ tiêu NPV, BCR, IRR.

- Giá trị hiện tại ròng (NPV) là đại lượng xác định giá trị lợi nhuận ròng hiện thời khi chiết khấu dòng lợi ích và chi phí về năm cơ sở bắt đầu (đầu thời kỳ phân tích). NPV

được xem là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá dự án đầu tư. Phương án được quyết định lựa chọn là phương án có NPV dương.

$$NPV = \sum_{t=0}^n \frac{B_t - C_t}{(1+r)^t}$$

- Tỷ lệ lợi ích - chi phí là tỷ lệ tổng giá trị hiện tại của lợi ích so với tổng giá trị hiện tại của chi phí. Tỷ lệ này so sánh lợi ích và chi phí đã được chiết khấu về mặt bằng thời gian ở hiện tại. Phương án được quyết định lựa chọn là phương án có BCR lớn hơn 1. Công thức:

$$BCR = \frac{\sum_{t=0}^n \frac{B_t}{(1+r)^t}}{\sum_{t=0}^n \frac{C_t}{(1+r)^t}}$$

- Hệ số hoàn vốn nội bộ (IRR - Internal Rate of Return) được định nghĩa như là hệ số mà qua đó giá trị hiện tại của lợi ích và chi phí là bằng nhau. IRR có thể xác định bằng cách:

$$NPV = \sum_{t=0}^n \frac{B_t - C_t}{(1+r)^t} = 0$$

Trong đó:  $B_t$ : Khoản thu của dự án vào năm  $t$ .

$C_t$ : Khoản chi của dự án vào năm  $t$ .

$t$ : Số năm đầu tư.

$r$ : Tỷ suất chiết khấu.

$n$ : Số năm hoạt động của dự án.

IRR được các tổ chức tài chính sử dụng rộng rãi. Giá trị IRR sau khi tính toán được so sánh với lãi suất về tài chính hoặc tỷ suất chiết khấu để xem xét mức độ hấp dẫn về tài chính hoặc kinh tế của dự án.

### **3.3. Phương pháp chuyên gia, chuyên khảo**

Tham vấn chuyên gia là các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, các bộ khuyến nông tại địa phương về các vấn đề kỹ thuật sản xuất, chi phí đầu tư, diện tích, năng suất, giá bán hồ tiêu và kênh tiêu thụ sản phẩm làm căn cứ đề xuất các giải pháp.

## **4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

### **4.1. Đặc điểm của các hộ điều tra**

Lao động là một trong những yếu tố cần thiết trong sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất hồ tiêu nói riêng, nguồn lao động hợp lý sẽ dẫn đến việc sử dụng hợp lý các yếu tố đầu vào khác làm cho sản xuất nông nghiệp đạt được hiệu quả tối đa.

**Bảng 1: Tình hình nhân khẩu và lao động (Tính bình quân hộ)**

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1. Số nhân khẩu	Khẩu	4,52	100,00
- Nam	Khẩu	2,50	55,29
- Nữ	Khẩu	2,02	44,71
2. Lao động	Lao động	3,31	100,00
- Lao động nông nghiệp	Lao động	2,24	67,76
- Lao động phi nông nghiệp	Lao động	1,07	32,24
3. Tuổi bình quân của chủ hộ	Tuổi	50,02	-
4. Số năm kinh nghiệm trồng tiêu	Năm	24,02	-
5. Tham gia tập huấn trồng tiêu	lần	2,50	-
6. Trang bị tư liệu sản xuất (TLSX)	đồng	4.452,39	-

*Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả, 2020*

Kết quả điều tra 46 hộ trồng hồ tiêu cho thấy: số nhân khẩu quân là 4,52 khẩu với 3,31 lao động/hộ. Trong đó, lao động nam chiếm tỷ lệ cao hơn so với nữ (55,29%).

Về độ tuổi: chủ hộ có tuổi bình quân là 50,02 tuổi và số năm kinh nghiệm là 24,02 năm, đây là độ tuổi có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

.Người dân nhận thức được tầm quan trọng khi tham gia các lớp tập huấn về trồng tiêu nhằm nâng cao kiến thức của bản thân cũng như tránh được các rủi ro sâu bệnh. Trung bình mỗi hộ tham gia từ 2 - 3 lớp tập huấn.

Cùng với đất đai và lao động, TLSX là những điều kiện vật chất cần thiết, đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Để phục vụ hoạt động sản xuất hồ tiêu, mỗi hộ cần trang bị các dụng cụ như bình phun thuốc, máy bơm nước, ống nước, dụng cụ thu hoạch và các trang thiết bị khác với giá trị gần 4,5 triệu đồng.

#### **4.2. Chi phí sản xuất hồ tiêu**

Hồ tiêu là cây công nghiệp dài ngày nên việc đầu tư có một số điểm khác biệt so với các cây nông nghiệp khác. Sản xuất hồ tiêu trải qua 2 thời kì: Thời kì kiến thiết cơ bản: 3 năm. Thời kì kinh doanh: bắt đầu từ năm thứ 4 cho đến hết chu kỳ sản xuất.

##### **4.2.1. Chi phí đầu tư thời kì kiến thiết cơ bản**

Thời kì kiến thiết cơ bản (KTCB) là giai đoạn rất quan trọng, quyết định đến khả năng năng sinh trưởng và phát triển của cây hồ tiêu. Vì vậy, chi phí đầu tư ban đầu tương đối lớn. Tổng chi phí đầu tư cho vườn hồ tiêu trong thời kỳ này được xem là chi phí tài sản cố định và được phân bổ trong suốt thời kỳ kinh doanh thông qua hình thức khấu hao.

**Bảng 2: Chi phí thời kì kiến thiết cơ bản cho 1 sào hồ tiêu**

(ĐVT: 1.000đ)

Chỉ tiêu	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<b>I. Chi phí vật chất</b>	<b>7.292,80</b>	<b>89,60</b>	<b>2.059,16</b>	<b>83,15</b>	<b>1.300,81</b>	<b>65,05</b>	<b>10.652,77</b>	<b>82,10</b>
1. Đào hố, sỏi đất	480,87	5,91	0,00	0,00	0,00	0,00	480,87	3,71
2. Giống	1.199,69	14,74	0,00	0,00	0,00	0,00	1.199,69	9,25
3. Cây trụ sống	3.605,66	44,30	0,00	0,00	0,00	0,00	3.605,66	27,79
4. Phân bón	2.006,58	24,65	2.059,16	72,58	1.300,81	65,05	5.366,55	41,36
Phân hữu cơ	1.305,35	16,04	1.249,43	60,68	546,35	27,32	3.101,13	23,90
NPK	189,00	2,32	297,50	14,45	441,00	22,05	927,50	7,15
Phân lân	337,23	4,14	337,23	16,38	173,46	8,67	847,92	6,53
Vôi	175,00	2,15	175,00	8,50	140,00	7,00	490,00	3,78
<b>II. Chi phí lao động</b>	<b>846,55</b>	<b>10,40</b>	<b>777,99</b>	<b>27,42</b>	<b>698,77</b>	<b>34,95</b>	<b>2.323,31</b>	<b>17,90</b>
1. Lao động gia đình	644,03	7,91	777,99	27,42	698,77	34,95	2.120,79	16,34
2. Lao động thuê	202,52	2,49	0,00	0,00	0,00	0,00	202,52	1,56
<b>Tổng</b>	<b>8.139,35</b>	<b>100,00</b>	<b>2.837,15</b>	<b>110,57</b>	<b>1.999,58</b>	<b>100,00</b>	<b>12.976,08</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả, 2020

Tổng chi phí đầu tư thời kỳ KTCB là 12.976,07 nghìn đồng/sào. Trong đó, chi phí đầu tư bình quân năm thứ nhất là cao nhất, khoảng 8,14 triệu đồng/sào. Chi phí đầu tư giống, cây trụ, phân bón và lao động là chủ yếu. Năm thứ hai, chi phí đầu tư là 2,84 triệu đồng/sào và năm thứ ba gần 2 triệu đồng/sào. Ở năm thứ hai và thứ ba, chi phí đầu tư chủ yếu cho việc bón phân và lao động chăm sóc còn chi phí như giống, cây trụ sống gần như bằng không.

Năm thứ nhất, chi phí đầu tư cây trụ sống cao nhất (chiếm 43,30%). Trung bình một sào sử dụng 60 - 70 cây trụ, mỗi trụ có giá trị dao động từ 40- 50 nghìn đồng. Chi phí giống cũng chiếm một phần không nhỏ trong tổng chi phí, mức đầu tư giống bình quân 1,2 triệu đồng/sào, mỗi trụ sống trồng 3- 4 hom giống, mỗi hom có giá trung bình 5 - 7 nghìn đồng. Việc lựa chọn hom giống ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển, khả năng chống lại sâu bệnh và năng suất hồ tiêu.

Chi phí lao động trong thời kỳ KTCB chủ yếu là công trồng, chăm sóc, làm cỏ ... Năm thứ nhất, chi phí lao động chủ yếu tập trung vào hoạt động trồng mới hồ tiêu, đến năm 2 và 3, chi phí lao động giảm mạnh, tập trung vào hoạt động chăm sóc, bón phân, làm cỏ. Các hộ gia đình thường tận dụng thời gian nhàn rỗi để thực hiện. Vì vậy, trong tổng chi phí lao động, chi phí lao động gia đình chiếm đến 91,28%.

Chi phí phân bón, vôi: mức đầu tư phân bón trung bình 5,37 triệu đồng/sào (chiếm

41,36%), loại phân bón cho cây hồ tiêu chủ yếu là phân chuồng, phân lân và NPK.

4.2.2. Chi phí đầu tư thời kì kinh doanh

Cây hồ tiêu bắt đầu thu hoạch lần đầu năm thứ 4 cho đến lúc kết thúc chu kỳ sản xuất. Trong thời kỳ kinh doanh (TKKD), để đảm bảo cây hồ tiêu tiếp tục phát triển và đạt năng suất cao, hộ nông dân phải tiếp tục bón phân, tưới nước và chăm sóc đều đặn.

**Bảng 3: Chi phí thời kỳ kinh doanh cho 1 sào hồ tiêu**

(ĐVT: 1.000đ)

Năm	Chi phí sản xuất trực tiếp				Lao động	Khấu hao	Chi phí khác	Tổng
	Phân hữu cơ	Phân vô cơ	Vôi	Điện nước				
4	428,74	285,83	23,19	530,00	2.710,20	589,82	93,77	4.661,55
5	448,71	299,14	24,54	400,00	2.710,20	589,82	97,36	4.569,77
6	450,15	300,10	25,89	380,00	2.710,20	589,82	62,89	4.519,05
7	471,20	314,13	27,24	430,00	2.786,04	589,82	28,62	4.647,05
8	501,34	334,23	28,59	300,00	2.786,04	589,82	12,26	4.552,28
9	509,10	339,40	29,94	350,00	2.786,04	589,82	0,00	4.604,30
10	511,36	340,91	31,29	400,00	2.907,18	589,82	17,30	4.797,86
11	536,72	357,81	29,55	475,00	2.907,18	589,82	22,64	4.918,72
12	549,17	366,11	30,90	400,00	2.907,18	589,82	12,58	4.855,76
13	561,62	374,41	32,25	450,00	2.907,18	589,82	0,00	4.915,28
14	574,07	382,71	33,60	500,00	3.028,32	589,82	15,72	5.124,24
15	570,25	380,17	34,95	430,00	3.028,32	589,82	2,83	5.036,34
16	566,43	377,62	36,30	485,00	3.149,46	589,82	6,92	5.211,55
17	562,61	375,07	37,35	520,00	3.149,46	589,82	0,63	5.234,94
18	558,79	372,53	31,44	545,00	3.270,54	589,82	1,89	5.370,01
19	554,97	369,98	35,81	460,00	3.390,54	589,82	8,18	5.409,30
20	551,15	367,43	30,49	500,00	3.090,54	589,82	3,14	5.132,57
21	547,33	364,89	31,84	450,00	2.970,54	589,82	3,46	4.957,88
22	543,51	362,34	33,19	560,00	2.393,22	589,82	0,00	4.482,08
23	539,69	359,79	34,54	350,00	2.208,12	589,82	0,00	4.081,96
24	535,87	357,25	35,89	400,00	1.973,22	589,82	0,00	3.892,05
25	532,05	354,70	29,34	450,00	1.733,22	589,82	0,00	3.689,13
<b>Tổng</b>	<b>11.604,83</b>	<b>7.736,55</b>	<b>688,12</b>	<b>9.765,00</b>	<b>10.250,49</b>	<b>61.502,94</b>	<b>390,19</b>	<b>104.663,67</b>

Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả, 2020

Chi phí sản xuất trong TKKD bao gồm chi phí phân bón, vôi, chi phí điện nước, lao động, chi phí khấu hao TSCĐ, và các chi phí khác.

Chi phí phân bón: Tổng chi phí phân bón trong TKKD là 19,34 triệu đồng (chiếm 18,48% tổng chi phí). Trong đó, chi phí phân hữu cơ là 11,6 triệu đồng và phân vô cơ là 7,74 triệu đồng. Hồ tiêu là cây trồng yêu cầu nguồn dinh dưỡng cao, người nông dân cần bổ sung phân bón trong suốt quá trình phát triển và thu hoạch nhằm đảm bảo năng suất và chất lượng hồ tiêu. Bên cạnh phân bón, các hộ nông dân cần sử dụng vôi để rắc quanh vườn để hạn chế phát sinh và lây lan dịch bệnh (trung bình 8 - 9kg vôi/sào).

Chi phí lao động: trong TKKD, tổng chi phí lao động là 10,25 triệu đồng, bao gồm chi phí chăm sóc, thu hoạch. Việc chăm sóc hồ tiêu diễn ra quanh năm, chi phí lao động tập trung chủ yếu vào hoạt động thu hoạch và sơ chế. Chính vì vậy, lao động chủ yếu là lao động gia đình, lao động thuê ngoài chỉ diễn ra vào thời điểm thu hoạch và sơ chế sản phẩm.

Khấu hao vườn cây được tính theo phương pháp khấu hao đều (khấu hao theo đường thẳng), là phương pháp khấu hao mà khấu hao hàng năm của tài sản cố định đều bằng nhau. Khấu hao vườn cây được phân bổ đều cho 22 năm là 589,82 nghìn đồng.

Ngoài ra còn có một số chi phí khác như: chi phí mua thang, bạt, xô đựng tiêu phục vụ cho việc thu hoạch và sản xuất hạt tiêu (390,19 nghìn đồng). Chi phí này chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng chi phí thời kỳ kinh doanh (0,37% tổng chi phí). Nhìn chung, mức đầu tư chi phí ở thời kỳ kinh doanh tương đối ổn định qua các năm.

### **4.3. Kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất hồ tiêu**

#### **4.3.1. Kết quả hoạt động sản xuất hồ tiêu**

Trong thời kỳ kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất hồ tiêu được hạch toán hàng năm. Thực tế điều tra cho thấy, năng suất hồ tiêu biến động theo độ tuổi vườn cây. Năm thứ tư, cây hồ tiêu bắt đầu cho quả bói nên năng suất thấp, trung bình đạt 39,15 kg/sào. Từ năm thứ 7 đến năm thứ 15 là thời kỳ cây hồ tiêu cho năng suất cao nhất, trung bình đạt 57,50 - 67,35 kg/sào, có những vườn năng suất lên đến hơn 70 kg/sào. Sau khoảng thời gian trên, năng suất bắt đầu giảm dần.

Giá bán hồ tiêu có nhiều biến động qua các năm, giao động từ 130 - 170 nghìn đồng/kg. Tác giả sử dụng mức giá 150 nghìn đồng/kg (là mức giá đa số các hộ sử dụng để bán sản phẩm) để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất hồ tiêu (Phạm Thị Thanh Xuân (2015)). Kết quả sản xuất hồ tiêu được thể hiện qua bảng 5.

Giá trị sản xuất (GO): năng suất hồ tiêu biến động qua các năm làm cho giá trị sản xuất cũng thay đổi liên tục. Năm 4 là năm đầu tiên bắt đầu thu hoạch, năng suất chưa cao nên giá trị sản xuất chỉ đạt 5,87 triệu/sào. Từ năm thứ 6 đến năm 15, giá trị sản xuất tăng lên nhanh chóng từ 7,45 triệu đồng lên 10,01 triệu đồng/sào. Từ năm thứ 16,



năng suất hồ tiêu có xu hướng giảm dần, điều này làm cho GO cũng bắt đầu giảm.

**Bảng 5: Kết quả hoạt động sản xuất hồ tiêu (Tính bình quân trên 1 sào)**

Năm	Năng suất (kg/sào)	GO (1.000đ)	TC (1.000đ)	IC (1.000đ)	VA (1.000đ)	MI (1.000đ)	Lợi nhuận (1.000đ)
4	39,15	5.872,50	4.661,55	1.951,35	3.921,15	3.331,33	1.210,95
5	41,60	6.240,00	4.569,77	1.859,57	4.380,43	3.790,61	1.670,23
6	49,70	7.455,00	4.519,05	1.808,85	5.646,15	5.056,33	2.935,95
7	57,50	8.625,00	4.647,05	1.861,01	6.763,99	6.174,17	3.977,95
8	63,50	9.525,00	4.552,28	1.766,24	7.758,76	7.168,94	4.972,72
9	66,15	9.922,50	4.604,30	1.818,26	8.104,24	7.514,42	5.318,20
10	67,80	10.170,00	4.797,86	1.890,68	8.279,32	7.689,50	5.372,14
11	68,05	10.207,50	4.918,72	2.011,54	8.195,96	7.606,14	5.288,78
12	69,00	10.350,00	4.855,76	1.948,58	8.401,42	7.811,60	5.494,24
13	69,60	10.440,00	4.915,28	2.008,10	8.431,90	7.842,08	5.524,72
14	68,75	10.312,50	5.124,24	2.095,92	8.216,58	7.626,76	5.188,26
15	67,35	10.102,50	5.036,34	2.008,02	8.094,48	7.504,66	5.066,16
16	65,25	9.787,50	5.211,55	2.062,09	7.725,41	7.135,59	4.575,95
17	62,90	9.435,00	5.234,94	2.085,48	7.349,52	6.759,70	4.200,06
18	59,15	8.872,50	5.370,01	2.099,47	6.773,03	6.183,21	3.502,49
19	58,35	8.752,50	5.409,30	2.018,76	6.733,74	6.143,92	3.343,20
20	56,67	8.500,50	5.132,57	2.042,03	6.458,47	5.868,65	3.367,93
21	54,39	8.158,50	4.957,88	1.987,34	6.171,16	5.581,34	3.200,62
22	52,02	7.803,00	4.482,08	2.088,86	5.714,14	5.124,32	3.320,92
23	50,72	7.608,00	4.081,96	1.873,84	5.734,16	5.144,34	3.526,04
24	48,10	7.215,00	3.892,05	1.918,83	5.296,17	4.706,35	3.322,95
25	46,98	7.047,00	3.689,13	1.955,91	5.091,09	4.501,27	3.357,87

Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả, 2020

Lợi nhuận: cũng như năng suất, giá trị sản xuất (GO), thu nhập hỗn hợp (MI), lợi nhuận cũng thay đổi theo độ tuổi của cây. Lợi nhuận phụ thuộc vào năng suất và giá bán sản phẩm. Khi năng suất thay đổi dẫn đến giá trị sản xuất và lợi nhuận cũng thay đổi theo. Lợi nhuận thấp nhất là 1,21 triệu đồng/sào vào năm thứ 4 (năm đầu tiên bắt đầu thu hoạch). Từ năm thứ 7 đến năm thứ 15, lợi nhuận tăng liên tục và đạt giá trị lớn nhất là 5,52 triệu đồng/sào. Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy hồ tiêu là cây đem lại

hiệu quả kinh tế tương đối cao.

#### 4.4.2. Hiệu quả kinh tế của cây hồ tiêu qua các chỉ tiêu dài hạn

Vì hồ tiêu là cây lâu năm nên giá trị sản xuất và chi phí thay đổi theo thời gian. Để so sánh về giá trị tiền tệ của các khoản chi phí, doanh thu ở các năm khác nhau cần hiện tại hóa các giá trị. Hiệu quả kinh tế hoạt động sản xuất hồ tiêu trong dài hạn được đánh giá thông qua các chỉ tiêu: NPV, IRR, BCR.

Chu kỳ kinh tế trung bình của hồ tiêu là 25 năm, trong đó thời kỳ kiến thiết cơ bản là 3 năm, thời kỳ kinh doanh là 22 năm. Hiện nay, mức lãi suất quỹ tín dụng cho vay trên địa bàn xã Cam Nghĩa là từ 9 - 11%/ năm. Nghiên cứu áp dụng lãi suất trung bình là 10%/ năm để làm cơ sở cho việc chiết khấu.

**Bảng 6: Hiệu quả hoạt động sản xuất hồ tiêu (Tính bình quân trên sào)**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Suất chiết khấu (r)	%	10,00
2	NPV	1000đ/sào	14.131,95
3	IRR	%	20,13
4	BCR	lần	1,33

*Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả, 2020*

Qua bảng trên, với mức lãi suất chiết khấu 10%/ năm, giá trị hiện tại ròng NPV là 14,13 triệu đồng > 0. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ  $IRR = 20,13\% > r = 10\%$ . Điều này khẳng định, việc người dân đầu tư vào trồng cây hồ tiêu đã mang lại hiệu quả. Tỷ suất lợi ích - chi phí (BCR) là 1,33 lần cho thấy: cứ một đồng chi phí bỏ ra, các hộ trồng hồ tiêu thu được 1,33 đồng doanh thu. Như vậy, thông qua các chỉ tiêu NPV, IRR và BCR một lần nữa khẳng định, hoạt động sản xuất hồ tiêu đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tỷ suất chiết khấu (r) được sử dụng trong nghiên cứu là 10%, tuy nhiên, tỷ suất chiết khấu thay đổi mỗi năm. Vì vậy, cần tiến hành phân tích các kịch bản để xem xét các chỉ tiêu như GO, TC, NPV và BCR sẽ thay đổi như thế nào khi suất chiết khấu thay đổi.

**Bảng 7: Phân tích kịch bản khi tỷ suất chiết khấu thay đổi**

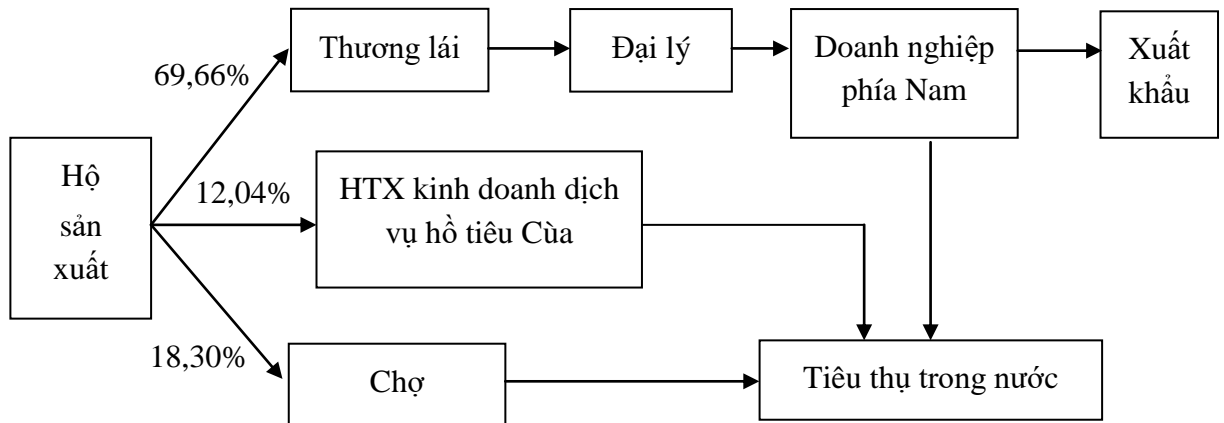
Chỉ tiêu	ĐVT	r (%/năm)		
		8,4	10	15
GO <sub>1</sub>	1000đ/sào	67.140,25	56.706,66	35.237,73
TC <sub>1</sub>	1000đ/sào	48.431,97	42.574,71	30.318,98
NPV	1000đ/sào	18.708,28	14.131,95	4.918,75
BCR	lần	1,38	1,33	1,16

*Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả, 2020*

Nghiên cứu lựa chọn mức chiết khấu  $r = 15\%$  / năm cho trường hợp xấu nhất là bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu năm 2008 và  $8,4\%$  / năm đại diện cho trường hợp tốt nhất khi các hộ dân được hỗ trợ vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội. Dựa vào kết quả phân tích ở bảng 7, trong trường hợp  $r = 15\%$  / năm, giá trị hiện tại ròng NPV là 4,91 triệu đồng/sào, tỷ suất lợi ích - chi phí là 1,16 lần. Khi  $r = 8,4\%$  / năm, NPV dự án là 18,71 triệu đồng/sào, BCR = 1,38 lần. Kết quả trên cho thấy, hoạt động sản xuất hồ tiêu vẫn mang lại hiệu quả kinh tế ngay cả khi suất chiết khấu tăng lên đến  $15\%$  / năm.

**4.5. Thị trường tiêu thụ sản phẩm hồ tiêu ở xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ**

Thị trường đầu ra cho sản phẩm hồ tiêu là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến quyết định đầu tư sản xuất của người dân.



**Sơ đồ 1: Chuỗi cung sản phẩm hồ tiêu trên địa bàn xã Cam Nghĩa**

*Nguồn: Số liệu điều tra, 2020*

Thực tế điều tra cho thấy, sản lượng hồ tiêu được người dân bán ngay tại nhà cho các thương lái (chiếm 69,66%), chỉ có một số ít mang đến chợ bán (18,30%) và bán cho Hợp tác xã hồ tiêu (12,04%). Kênh tiêu thụ sản phẩm hồ tiêu trên địa bàn xã như sau:

**Kênh 1:** Hộ sản xuất hồ tiêu - chợ - tiêu dùng trong nước. Ưu điểm của kênh này là chuỗi cung ngắn, tự chủ được giá bán, không phải phụ thuộc vào thương lái. Nhược điểm là chỉ bán được một sản lượng nhỏ, không giải quyết được vấn đề đầu ra.

**Kênh 2:** Hộ sản xuất hồ tiêu – Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ hồ tiêu Cửa – tiêu dùng trong nước. Ưu điểm của kênh này là bán được hồ tiêu với giá cả hợp lý, giải quyết được một phần sản lượng hồ tiêu. Nhược điểm là sản lượng bán không được nhiều do sự hạn chế về chi phí cũng như việc giải quyết đầu ra của Hợp tác xã.

**Kênh 3:** Hộ sản xuất hồ tiêu – Thương lái – Đại lý – Các doanh nghiệp phía Nam – tiêu thụ trong nước. Kênh này chiếm khoảng 1,55% sản lượng hồ tiêu của các hộ.

**Kênh 4:** Hộ sản xuất hồ tiêu – Thương lái – Đại lý – các doanh nghiệp phía Nam

– Xuất khẩu. Kênh phân phối này chiếm tỷ lệ 69,66% trong sơ đồ chuỗi cung sản phẩm hồ tiêu trên địa bàn. Hồ tiêu sau khi đến tay các doanh nghiệp phía Nam sẽ được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài và phần còn lại được tiêu thụ trong nước. Ưu điểm của kênh này là giải quyết được vấn đề đầu ra. Nhược điểm là chuỗi cung dài, phụ thuộc lớn vào hệ thống thương lái thu mua, gây ra những mâu thuẫn với các thành viên là đại lý.

## **5. Kết luận và hàm ý chính sách**

### **5.1. Kết luận**

Từ kết quả điều tra 46 hộ sản xuất hồ tiêu trên địa bàn xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị cho thấy, năng suất hồ tiêu biến động theo độ tuổi vườn cây. Năm thứ tư (năm đầu tiên của thời kỳ kinh doanh), cây hồ tiêu bắt đầu cho quả bói nên năng suất thấp, trung bình đạt 39,15 kg/sào. Thời kỳ năng suất cao nhất là từ năm 7 đến 17, và bắt đầu giảm dần từ năm 18, trung bình mỗi sào thu hoạch từ 55 - 65 kg. Giá trị hiện tại ròng NPV là 14,13 triệu đồng/sào, chỉ số BCR là 1,33 lần, hệ số hoàn vốn nội bộ IRR là 20,13% >  $r = 10\%$ . Nghiên cứu tiến hành phân tích các kịch bản khi suất chiết khấu thay đổi trong hai trường hợp:  $r = 15\%$ / năm (trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu năm 2008) và  $r = 8,4\%$ / năm khi được hỗ trợ vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội. Trong trường hợp xấu nhất ( $r = 15\%$ / năm), giá trị hiện tại ròng NPV = 4,91 triệu đồng/sào, tỷ suất lợi ích - chi phí là 1,16 lần. Trường hợp tốt nhất ( $r = 8,4\%$ / năm), NPV = 18,71 triệu đồng/sào, BCR = 1,38 lần. Kết quả này cho thấy, người dân đầu tư vào cây hồ tiêu mang lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với chính sách của địa phương.

### **5.2. Hàm ý chính sách**

Để nâng cao hiệu quả kinh tế hoạt động sản xuất hồ tiêu trên địa bàn xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị cần có những giải pháp, chính sách:

- Kỹ thuật sản xuất: Tổ chức tuyển chọn, kiểm tra, đảm bảo giống tiêu tốt, theo dõi thường xuyên nhằm phát hiện sớm và có biện pháp diệt trừ sâu bệnh, có biện pháp che chắn hợp lý khi có mưa bão xảy ra. Sử dụng phân bón, chế phẩm sinh học đúng quy trình, đảm bảo tiêu chuẩn về liều lượng thuốc bảo vệ thực vật cho nông sản xuất khẩu.

- Nâng cao năng lực cho hộ sản xuất: tăng cường hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mở các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho các hộ sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuẩn hóa quy trình canh tác, liên kết sản xuất hồ tiêu theo hướng nông nghiệp sạch là hướng đi tất yếu để phát triển cây tiêu bền vững ở Việt Nam.

- Tìm kiếm đầu ra thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu hồ tiêu: Căn cứ vào năng suất, sản lượng theo độ tuổi, người nông dân kết hợp với các doanh nghiệp, chính quyền địa phương tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tránh hiện tượng dư thừa (được mùa mất giá), thiếu hụt sản phẩm, hạn chế thiệt hại do biến động giá cả thị trường.

- Tín dụng: chính quyền địa phương phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng các gói vay ưu đãi hỗ trợ hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và hồ tiêu nói riêng. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, giám sát nhằm đảm bảo nguồn vốn ưu đãi được sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Quy hoạch vùng sản xuất hồ tiêu: Chính quyền địa phương cần tiến hành rà soát, kiểm tra hiện trạng quỹ đất, khai thác và sử dụng nguồn lực đất đai vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt phát triển các cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như hồ tiêu sẽ giúp nâng cao đời sống người dân.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (2019), Phát triển bền vững cây hồ tiêu trên địa bàn tỉnh, <https://tinhuyquangtri.vn/phat-trien-ben-vung-cay-ho-tieu-tren-dia-ban-tinh>. Truy cập ngày 10/4/2020

Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (2017), Ngành hồ tiêu Việt Nam, <http://peppervietnam.com/nganh-ho-tieu-viet-nam/>

Hội nông dân Việt Nam (2020), Quảng Trị: Tập trung phát triển bền vững cây hồ tiêu.

Nguyễn Đức Cường (2013), Phát triển cây hồ tiêu trên địa bàn huyện Chư Sê, Luận văn Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Phạm Thị Thanh Xuân (2015), Hiệu quả kinh tế và những rủi ro trong sản xuất hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Huế.

Tạp chí điện tử VnEconomy (2021), Hết thời đỉnh cao, xuất khẩu hồ tiêu tiếp tục rơi vào "thảm cảnh" <https://vneconomy.vn/het-thoi-dinh-cao-xuat-khau-ho-tieu-tiep-tuc-roi-vao-tham-canh>.

UBND tỉnh Quảng Trị (2019), *Chỉ đạo phát triển sản xuất cây hồ tiêu bền vững*.

UBND tỉnh Quảng Trị (2019), *Công văn về việc thực hiện nhiệm vụ tư vấn giám sát thi công hệ thống tưới tiết kiệm trong mô hình CSA thâm canh cây hồ tiêu, thuộc dự án WB7 Quảng Trị*.

UBND tỉnh Quảng Trị (2019), *Đăng ký diện tích tham gia nhân rộng mô hình canh tác nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu (CSA) trên cây Hồ tiêu*.

Ủy ban nhân dân xã Cam Nghĩa (2017, 2018, 2019), *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế - xã hội của xã Cam Nghĩa năm 2017, 2018, 2019*.

**ECONOMIC EFFICIENCY OF PEPPER PRODUCTION IN CAM NGHIA  
COMMUNE, CAM LO DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE**

**Tran Huynh Quang Minh, Tran Huynh Bao Chau**

**Abstract.** With favorable soil and climate conditions, Quang Tri province has many advantages to develop pepper. However, pepper production always faces some difficulties such as unstable yield, complicated weather, and pests, which affect to household's income. The cost-benefit analysis method is used to evaluate the economic efficiency of pepper production by surveying 46 households in Cam Nghia commune, Cam Lo district. The surveyed households were selected by the purposeful sampling method. The results show that: pepper yield fluctuates according to the age of the orchard. From year 7 to year 17, pepper brings the highest yield and it has been decreased gradually in year 18. The analysis results in the case of discount rate  $r = 15\%/year$ ,  $r = 10\%/year$ , and  $r = 8.4\%/year$  show that, all indicators achieve high results. Net Present Value (NPV) is 14.13 million VND/ 500 square meters, BCR is 1.33 times, internal rate of return (IRR) is 20.13% when  $r = 10\%/year$ . It means that local people have the right decision when investing in pepper, receiving high economic efficiency from this crop.

**Keywords:** Economic efficiency; Pepper; Quang Tri province.